

Số: 1338/2018/QĐST-HNGĐ

Quận 12, ngày 17 tháng 10 năm 2018.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 982/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018 về việc “*Yêu cầu* công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, giữa:

* Người yêu cầu:

Ông Nguyễn Xuân T – sinh năm 1970;

Và bà Lê Thị Ánh N – sinh năm 1980;

Cùng thường trú: Khu phố B, phường N, thành phố Q, tỉnh C.

Cùng tạm trú: Khu phố B, phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09 tháng 10 năm 2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân T và bà Lê Thị Ánh N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung Nguyễn Hoàng Ánh X, sinh ngày 31/5/2007. Các đương sự thống nhất giao con chung cho ông Nguyễn Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Lê Thị Ánh N cho đến khi một hoặc hai bên có yêu cầu.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con. Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có.

- Về lệ phí: Lệ phí dân sự việc hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Nguyễn Xuân T và bà Lê Thị Ánh N phải nộp nhưng được miễn trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà ông T và bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002078 ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12. Ông Nguyễn Xuân T và bà Lê Thị Ánh N đã nộp đủ lệ phí.

2. Giấy chứng nhận kết hôn số 76, quyền số 1/05 do Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q, tỉnh C cấp ngày 04/5/2005 không còn giá trị.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 12;
- UBND phường N, thành phố Q, tỉnh C;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Túy Như